

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v: Tranh chấp
xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Á

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Điệp
2. Ông Trần Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp H, xã NA, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994, có tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ

con, bà L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi. Nhận thấy đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung cháu tên Nguyễn Thị Thùy Linh, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Ngọc Trinh, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Nguyễn Thanh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Trần Thị L và bị đơn Nguyễn Thanh T. Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Thanh T sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà L yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, do ông T có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay xin vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Bà L cho rằng vợ chồng bất đồng ý kiến, ông T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con, bà L đã nhiều lần cho ông T cơ hội để hàn gắn nhưng ông T vẫn không thay đổi. Khi bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng phía ông T vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Vì vậy, nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông T đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Thanh T.

[3.2] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L khai không có, ông T chưa ghi nhận được ý kiến nên chưa xem xét giải quyết 02 vấn đề này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị L phải chịu 300.000đồng

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Trần Thị L và ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) T tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số 0011909 ngày 16/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Bà L đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật tại nơi cư trú.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND thị trấn Cái Tắc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Á